

Số: 03/2024/QĐST-DS

Chư Prông, ngày 12 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1952;

Địa chỉ: A N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1971 và Chị Trần Thị S, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về khoản nợ: Ngày 26/4/2018, anh Phạm Văn L và chị Trần Thị S thừa nhận có vay của ông Nguyễn Ngọc T số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Ngày 22/01/2020 anh Phạm Văn L và chị Trần Thị S đã thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), số tiền gốc còn lại là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) chưa thanh toán. Nay ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu anh Phạm Văn L và chị Trần Thị S phải trả số tiền gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) cùng với lãi suất tính đến ngày 04/3/2024 như sau:

+ Lãi 1,5%/ tháng của số tiền nợ gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) từ ngày 26/4/2018 đến ngày 22/01/2020 là 31.413.698đ (Ba mươi một triệu bốn trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng).

+ Lãi 1,5%/ tháng của số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) từ ngày 23/01/2020 đến ngày 04/3/2024 là 51.884.383đ (Năm mươi một triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi ba đồng).

Tổng cộng tiền lãi là 83.298.081đ (Tám mươi ba triệu hai trăm chín mươi tám nghìn không trăm tám mươi một đồng),

Ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện bớt cho anh L và chị S số tiền lãi là 13.298.081đ (Mười ba triệu hai trăm chín mươi tám nghìn không trăm tám mươi đồng) chỉ tính tiền lãi là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Nay anh Phạm Văn L và chị Trần Thị S xác nhận còn nợ ông Nguyễn Ngọc T số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), Trong đó nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và lãi suất là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Về thời hạn, phương thức trả tiền: Ngày 04/5/2024 (Dương L1) Anh Phạm Văn L và chị Trần Thị S cam kết có nghĩa vụ chung trả hết số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), Trong đó nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và lãi suất là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Ông Nguyễn Ngọc T hoàn toàn nhất trí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng số tiền và thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên được giảm 50% án phí Dân sự sơ thẩm, án phí của số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận Phạm Văn L và chị Trần Thị S có nghĩa vụ chung tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc T, số tiền tạm ứng án phí trước đây đã nộp là 3.771.250đ (Ba triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006700 ngày 10/01/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

LÊ KHẢ THẾ